



Kết nối - Phát triển

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

đã được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kết quả công tác soát xét	5
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	6 - 47
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	6 - 9
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	10
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	11 - 12
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	13 - 47



BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco và Công ty con.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước theo hình thức: Chuyển nhượng toàn bộ giá trị thuộc phần vốn Nhà nước hiện có tại Công ty Giấy Hải Phòng và Số cổ phần Nhà nước hiện có của Công ty Giấy Hải Phòng trong Công ty Cổ phần Hải Âu cho Công ty Cổ phần Hapaco theo Quyết định số 1912/QĐ/UB ngày 28 tháng 10 năm 1999 của UBND thành phố Hải Phòng. Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco được đổi tên từ Công ty Cổ phần Hapaco theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200371361 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần thứ 11 ngày 21 tháng 11 năm 2009.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 11: 556.266.210.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 30/6/2017: 556.266.210.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
 Điện thoại : 0225 3556 002
 Fax : 0225 3556 008
 Mã số thuế : 0 2 0 0 3 7 1 3 6 1

Ngành nghề kinh doanh chính

Đầu tư tài chính và mua bán chứng khoán.

Các đơn vị thành viên của Công ty tại ngày lập báo cáo:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con				
Công ty TNHH Hapaco Phương Đông	Số 9 đường Cầu Bính - Hải Phòng	Sản xuất bột giấy	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Hapaco Hải Âu	Số 441A - Tôn Đức Thắng - Hải Phòng	Sản xuất giấy	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn	Số 826 Điện Biên - Minh Tân - Yên Bái	Sản xuất giấy	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Hapaco Đông Bắc	Xã Vạn Mai - Mai Châu - Hòa Bình	Trồng rừng, sản xuất giấy	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Hải Hà	Vĩnh Tuy - Bắc Quang - Hà Giang	Sản xuất giấy	61,54%	61,54%
Công ty TNHH Hapaco H.P.P	Xã Đại Bản - An Dương - Hải Phòng	Sản xuất giấy	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hải Phòng	Số 135 Điện Biên Phủ - Hải Phòng	Kinh doanh thương mại	99,84%	99,84%

TRÁC
K
NH
CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>				
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Số 24 Cù Chính Lan, Hồng Bàng, Hải Phòng	Môi giới, tự doanh, tư vấn đầu tư chứng khoán	6,64%	6,64%
Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO	Số 135 Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng	Hoạt động tư vấn quản lý	15,00%	15,00%
Công ty Cổ phần Đông dược Tiên Sa	Phường Hải Tân, Hải Dương	Kinh doanh đông dược	20,00%	20,00%
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green	Số 738, Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng	Kinh doanh dịch vụ bệnh viện	19,00%	19,00%

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 47).

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vũ Dương Hiền	Chủ tịch
Ông Vũ Xuân Thủy	Ủy viên
Ông Vũ Xuân Thịnh	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Ủy viên
Ông Vũ Xuân Cường	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Hậu	Ủy viên

Ông Lê Như Tiến	Ủy viên
Bà Nguyễn Lệ Thủy	Ủy viên

Ủy viên Hội đồng quản trị độc lập.
Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2017
Miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vũ Xuân Cường	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Xuân Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Hậu	Phó Tổng Giám đốc

320
CÔ
H N
IÊN
ÂN
Đ,

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Thanh Toàn	Trưởng ban
Ông Võ Văn Tính	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang	Thành viên
Bà Trần Tiêu Phụng	Thành viên

Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2017
Miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2017

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Xuân Cường

Ngày 10 tháng 8 năm 2017

Số : 1105.02.02/2017/BCTC-NVT2
Ngày : 10 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco, được lập ngày 10 tháng 8 năm 2017 từ trang 06 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc

**Nguyễn Thị Hồng Thanh**

GCNDKHNKT số: 0053-2014-124-1

Trụ Sở Chính:

Số 187 đường Nguyễn Lương Bằng, P. Quang Trung, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
[T] (84-4) 3761 3399 [F] (84-4) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

Chi nhánh tại Hà Nội:

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

Tòa nhà Hoàng Anh Safomec- 7/1 Thành Thái, P. 14, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh

12/2/17
TY
HUU
OAI
VII
1/1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		357.107.541.127	530.965.075.467
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7.610.449.945	6.289.660.597
1. Tiền	111		7.610.449.945	6.289.660.597
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	16.778.081.600	46.732.649.351
1. Chứng khoán kinh doanh	121		363.842	363.842
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(282.242)	(279.042)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		16.778.000.000	46.732.564.551
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		249.601.561.593	385.512.477.946
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	65.837.290.024	67.447.055.299
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	12.323.404.855	9.797.913.359
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	30.000.000	48.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	179.887.214.418	317.833.377.126
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(8.476.347.704)	(9.613.867.838)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	69.191.636.614	81.583.339.646
1. Hàng tồn kho	141		77.471.853.953	89.874.863.862
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.280.217.339)	(8.291.524.216)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.925.811.375	10.846.947.927
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	3.698.449.769	715.173.402
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.131.113.312	10.029.994.123
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		96.248.294	101.780.402
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		439.774.358.187	482.356.195.208
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.850.000.000	6.855.920.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.10	6.850.000.000	6.850.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	5.920.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		80.581.905.102	81.806.944.467
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	77.028.857.653	78.076.244.644
<i>Nguyên giá</i>	222		249.392.800.910	242.385.601.506
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(172.363.943.257)	(164.309.356.862)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	3.553.047.449	3.730.699.823
<i>Nguyên giá</i>	228		7.106.094.928	7.106.094.928
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.553.047.479)	(3.375.395.105)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		177.275.000	6.844.010.395
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	177.275.000	6.844.010.395
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.14	346.671.040.409	381.025.420.978
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		351.123.064.439	385.491.564.439
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.452.024.030)	(4.466.143.461)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.494.137.676	5.823.899.368
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	5.466.136.843	5.788.824.868
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		28.000.833	35.074.500
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		796.881.899.314	1.013.321.270.675

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		132.979.829.430	344.848.950.393
I. Nợ ngắn hạn	310		123.108.848.111	221.867.609.160
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	19.219.200.703	23.174.307.710
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		970.652.858	1.905.443.248
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	20.189.161.258	20.237.732.295
4. Phải trả người lao động	314		4.734.334.904	5.706.134.375
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	2.075.724.449	3.940.286.881
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	21.417.435.879	64.442.102.819
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	53.900.605.874	101.856.869.646
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	601.732.186	604.732.186
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		9.870.981.319	122.981.341.233
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		20.900.000	20.900.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22	9.850.081.319	122.960.441.233
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		663.902.069.884	668.472.320.282
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	663.902.069.884	668.472.320.282
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		556.266.210.000	556.266.210.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		556.266.210.000	556.266.210.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29.926.940.219	29.926.940.219
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(4.662.935.543)	(4.662.935.543)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		66.770.060.228	66.770.060.228
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.572.653.444	15.142.241.851
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.875.160.854	2.054.693.924
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.697.492.590	13.087.547.927
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		5.029.141.536	5.029.803.527
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		796.881.899.314	1.013.321.270.675

Kế toán trưởng

Cao Thị Thúy Lan

Lập, ngày 10 tháng 8 năm 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

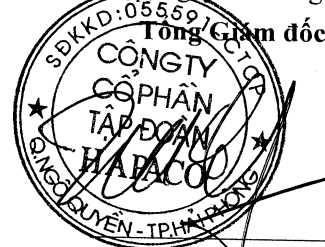
Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	190.575.432.129	217.418.417.132
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		48.560.052	62.644.400
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		190.526.872.077	217.355.772.732
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	165.378.609.585	178.781.637.179
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.148.262.492	38.574.135.553
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.351.342.004	3.551.436.056
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.474.130.345	17.481.737.824
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.221.806.520	14.493.752.972
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	7.599.553.220	9.746.829.260
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	12.198.103.663	13.200.173.789
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.227.817.268	1.696.830.736
12. Thu nhập khác	31	VI.7	3.309.506.900	15.662.539.478
13. Chi phí khác	32	VI.8	610.919.690	1.438.937.548
14. Lợi nhuận khác	40		2.698.587.210	14.223.601.930
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.926.404.478	15.920.432.666
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	1.229.573.879	2.705.578.359
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.696.830.599	13.214.854.307
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		6.697.492.590	12.969.250.645
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(661.991)	245.603.662
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	121	252

Kế toán trưởng

Cao Thị Thúy Lan

Lập, ngày 10 tháng 8 năm 2017



Vũ Xuân Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.926.404.478	15.920.432.666
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	8.401.932.949	9.901.904.743
- Các khoản dự phòng	03	560.887.453	3.003.823.841
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(30.488.542)	(112.424.641)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.253.508.470)	(3.042.383.787)
- Chi phí lãi vay	06	2.221.806.520	14.493.752.972
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	17.827.034.388	40.165.105.794
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	433.009.355	(14.696.095.866)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	12.403.009.909	(162.757.393)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(45.558.270.330)	(5.249.894.436)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.660.588.342)	(7.215.350.490)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	103.221.082
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.820.906.945)	(17.911.242.090)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.248.819.531)	(2.764.061.027)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	96.296.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(118.000.000)	(343.652.171)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(21.743.531.496)	(7.978.430.597)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(510.158.189)	(1.645.091.636)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(7.378.000.000)	(46.732.564.551)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	37.350.564.551	102.777.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	168.689.152.798	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.253.508.470	3.423.244.197
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	199.405.067.630	57.822.588.010

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

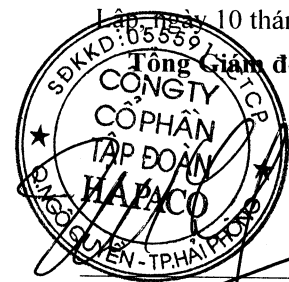
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	200.692.678.758	76.082.155.302
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(365.943.263.064)	(129.211.570.527)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.092.340.200)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(176.342.924.506)	(53.129.415.225)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.318.611.628	(3.285.257.812)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1 6.289.660.597	10.568.389.040
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.177.720	(99.479)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1 7.610.449.945	7.283.031.749

Kê toán trưởng

Cao Thị Thúy Lan



Vũ Xuân Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại và cung cấp dịch vụ
- Hoạt động kinh doanh chính trong năm**
 - Sản xuất bột giấy và giấy các loại;
 - Đầu tư tài chính và mua bán chứng khoán;
 - Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch sinh thái;
 - In ấn: In giấy vàng mã xuất nhập khẩu;
 - Hoạt động của Bệnh viện./.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng

5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con				
Công ty TNHH Hapaco Phương Đông	Số 9 đường Cầu Bính - Hải Phòng	Sản xuất bột giấy	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Hapaco Hải Âu	Số 441A - Tôn Đức Thắng - Hải Phòng	Sản xuất giấy	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn	Số 826 Điện Biên - Minh Tân - Yên Bái	Sản xuất giấy	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Hapaco Đông Bắc	Xã Vạn Mai - Mai Châu - Hòa Bình	Trồng rừng, sản xuất giấy	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Hải Hà	Vĩnh Tuy - Bắc Quang - Hà Giang	Sản xuất giấy	61,54%	61,54%
Công ty TNHH Hapaco H.P.P	Xã Đại Bản - An Dương - Hải Phòng	Sản xuất giấy	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hải Phòng	Số 135 Điện Biên Phủ - Hải Phòng	Kinh doanh thương mại	99,84%	99,84%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm (với khoản đầu tư vào Công ty con).

5. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

6. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

8. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

9. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

UYỂN
C
RÁCH
KI
NHÀ
YNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc, thiết bị	5 – 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05
Các tài sản khác	3 – 20

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 20 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được theo dõi riêng là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 08 năm.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 03 năm.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 05/2017/NQ-ĐHCD-HAP ngày 29 tháng 4 năm 2017, Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt 2% từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế có đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

19. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

PH
H
T
N
H
A
C
O

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

21. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

T. N. H. H. T. I. O. N.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số IX.1.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.073.587.302	1.308.712.771
Tiền gửi ngân hàng	6.536.862.643	4.980.947.826
Cộng	<u>7.610.449.945</u>	<u>6.289.660.597</u>

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Chứng khoán kinh doanh	363.842	81.600	282.242	363.842	84.800	279.042
<i>Cổ phiếu</i>	<i>363.842</i>	<i>81.600</i>	<i>282.242</i>	<i>363.842</i>	<i>84.800</i>	<i>279.042</i>
<i>Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam</i>	<i>363.842</i>	<i>81.600</i>	<i>282.242</i>	<i>363.842</i>	<i>84.800</i>	<i>279.042</i>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	16.778.000.000	16.778.000.000	-	46.732.564.551	46.732.564.551	-
<i>Tiền gửi có kỳ hạn (*)</i>	<i>16.778.000.000</i>	<i>16.778.000.000</i>	<i>-</i>	<i>46.732.564.551</i>	<i>46.732.564.551</i>	<i>-</i>
Cộng	<u>16.778.363.842</u>	<u>16.778.081.600</u>	<u>282.242</u>	<u>46.732.928.393</u>	<u>46.732.649.351</u>	<u>279.042</u>

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn đang được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân Đội- Chi nhánh Hải Phòng

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	74.163.800	114.219.600
Công ty Cổ phần bệnh viện QT Green	74.163.800	114.219.600
Phải thu các khách hàng khác	65.763.126.224	67.332.835.699
Công ty HOUH YOW ENTEPRISE	30.497.726.698	28.992.059.778
Công ty TNHH KDTM và XNK Hapaco Hà Nội	3.699.944.173	4.132.534.773
Công ty cổ phần ống giấy Chính Tường	3.310.352.760	3.451.177.180
Công ty TNHH công nghiệp Sao Đỏ Việt Nam	2.543.144.185	2.258.617.510
Công ty CP sản xuất kinh doanh ống lõi và bao bì Hồng Thiên	3.314.944.245	1.331.466.410
Công ty trách nhiệm hữu hạn PALM PAPER	1.315.688.963	2.288.274.505
Các đối tượng khác	21.081.325.200	24.878.705.543
Cộng	<u>65.837.290.024</u>	<u>67.447.055.299</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty cổ phần giấy Hoàng Hà Hà Nam	4.095.177.260	-	-	-
Công Ty CP giấy Vạn Điểm	862.216.218	-	-	-
Công ty TNHH xây lắp điện nước Tùng Dương	1.730.037.957	-	1.730.037.957	-
Chou Ching Shui	744.626.880	744.626.880	744.626.880	744.626.880
Các đối tượng khác	4.891.346.540	1.429.107.010	2.126.140.572	338.698.500
Cộng	12.323.404.855	2.173.733.890	9.797.913.359	2.019.233.890

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là khoản phải thu về cho vay ngắn hạn của Bà Vũ Thị Hiến

6. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	117.676.510.759		253.684.763.557	
Thành viên HĐQT- Ông Vũ Dương Hiến	-	-	1.687.600.000	-
Công ty Cổ phần đầu tư Hafinco	115.925.599.897	-	115.925.599.897	-
Hợp đồng Hợp tác kinh doanh (1)	97.207.885.000	-	97.207.885.000	-
Phải thu khác	18.717.714.897	-	18.717.714.897	-
Công ty Cổ phần bệnh viện Quốc tế Green - khoản chi hộ	1.750.910.862	-	1.750.910.862	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green về góp vốn thừa đầu tư tại Bệnh viện (2)	-	-	134.320.652.798	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	62.210.703.659	1.741.793.934	64.148.613.569	3.528.025.191
Tạm ứng	437.786.250	-	483.436.093	-
Ký quỹ ký cược	-	-	1.158.338.284	-
Tiền lãi hợp đồng tiền gửi	220.947.945	-	314.030.602	-
Công ty CP Dệt may Hapaco	45.206.676.913	-	45.138.243.981	-
Chênh lệch công nợ chưa rõ nguyên nhân	795.659.000	795.659.000	795.659.000	795.659.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Hải Đăng về tiền lãi dự thu	1.511.626.664	-	1.511.626.664	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi chi vượt-Công ty Phương Đông	-	-	475.548.000	-
Công nợ ứng trước cho cá nhân thực hiện công việc của Tập đoàn	9.873.100.000	-	9.873.100.000	-
Công ty Cổ phần Chế biến Nông Lâm Sản thành phố Hà Giang	-	-	1.028.804.852	1.028.804.852
Dự thu lãi đầu tư ngắn hạn Công ty điện máy Hải Phòng	461.380.464	461.380.464	461.380.464	461.380.464
Các đối tượng khác	3.703.526.423	484.754.470	2.908.445.629	1.242.180.875
Cộng	179.887.214.418	1.741.793.934	317.833.377.126	3.528.025.191

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(1) Theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư Kinh doanh số 30.6/2012/HTĐT ngày 30 tháng 6 năm 2012 và Phụ lục Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 01/HĐĐT-PL01 ngày 01 tháng 7 năm 2013 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco và Công ty Cổ phần Đầu tư Hafinco. Theo đó Tập đoàn Hapaco chuyên cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hafinco để cùng Hợp tác đầu tư với số vốn đầu tư tối đa là 100 tỷ vào mục đích hợp tác do 2 bên thỏa thuận. Theo đó, hai bên quyết toán kết quả Hợp tác đầu tư kinh doanh định kỳ 6 tháng 1 lần. Ngoài ra trong trường hợp có rủi ro và thua lỗ, Công ty Cổ phần Đầu tư Hafinco phải chịu trách nhiệm 100% về khoản vốn bị thua lỗ và hoàn thành mọi nghĩa vụ tài chính liên quan đến nhà nước, đối tác và khách hàng. Tính đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2017, Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco đã chuyển cho đối tác trong Hợp đồng Hợp tác đầu tư- Kinh doanh số tiền 97.207.885.000 VND.

(2) Theo Biên bản thỏa thuận ngày 04 tháng 11 năm 2016 giữa Tập đoàn Hapaco, Công ty TNHH Hải Âu và Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green (nay là Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green), Quyết định số 06/QĐ-HAP-HĐQT của Hội đồng quản trị Tập đoàn Hapaco, Quyết định 09/QĐ-HAP-HĐTV ngày 06 tháng 11 năm 2016 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green. Các bên đã thông nhất Tập đoàn Hapaco góp vốn thừa vào Bệnh viện tương ứng số tiền 134.320.652.798 đồng. Trong kỳ đơn vị đã thu hồi toàn bộ số vốn góp thừa nêu trên.

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Dự thu lãi đầu tư ngắn hạn Công ty điện máy Hải Phòng	461.380.464	-	461.380.464	-
Công ty cổ phần xây dựng số 15	-	-	257.500.000	-
Chênh lệch công nợ chưa rõ nguyên nhân	795.659.000	-	795.659.000	-
Công ty TNHH mậu dịch Hưng Việt – TQ	338.698.500	-	338.698.500	-
Jan Her Trade	273.272.250	-	273.272.250	-
Chou Ching Shui	744.626.880	-	744.626.880	-
Yeong Jong	463.569.315	-	463.569.315	-
Công ty Cổ phần chế biến nông lâm sản Hà Giang	-	-	1.028.804.852	-
Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco	1.366.324.756	-	7.655.000	-
Công ty TNHH Bảo Tiến Á Châu	150.000.000	-	200.000.000	-
Công ty TNHH TM DV Đại Thiên Phú	1.034.216.620	-	1.034.216.620	-
Công ty TNHH MTV TM Giấy Hoà Bình	378.865.738	-	457.101.056	-
Công ty TNHH Huỳnh Trân	371.000.000	-	371.000.000	-
Công ty TNHH Bao bì Tân Việt Tân	211.007.352	-	211.007.352	-
Các đối tượng khác	2.354.366.432	466.639.603	3.193.516.152	224.139.603
Cộng	8.942.987.307	466.639.603	9.838.007.441	224.139.603

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	7.500.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	10.691.095.802	-	17.198.330.178	-
Công cụ, dụng cụ	1.193.995.266	168.095.118	1.190.668.963	179.401.995
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.930.088.497	-	1.985.498.181	-
Thành phẩm	55.561.410.380	8.112.122.221	64.737.431.617	8.112.122.221
Hàng hóa	1.078.042.134	-	220.695.530	-
Hàng gửi đi bán	1.017.221.874	-	4.534.739.393	-
Cộng	77.471.853.953	8.280.217.339	89.874.863.862	8.291.524.216

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ xuất dùng	708.122.350	588.568.051
Chi phí bảo hiểm tài sản	4.953.518	9.074.978
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	231.129.719	50.458.374
Lương nghỉ phép, nghỉ lễ	2.520.248.500	67.071.999
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	233.995.682	-
Cộng	3.698.449.769	715.173.402

10. Phải thu về cho vay dài hạn

Là khoản phải thu về cho vay dài hạn Ông Đặng Hoa Đăng theo Hợp đồng cho vay số: 28.02/2014/HĐVV ngày 28/02/2014 giữa Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Hải Phòng và Ông Đặng Hoa Đăng. Số tiền vay 10.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay 0%. Thời hạn cho vay 60 tháng từ ngày 28/02/2014. Số dư công nợ phải thu về cho vay của Ông Đặng Hoa Đăng tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2017 là 6.850.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	79.481.039.336	148.965.566.827	12.242.171.378	534.545.736	1.162.278.229	242.385.601.506
Tăng trong kỳ do đầu tư XDCB hoàn thành	3.271.991.683	3.904.901.901	-	-	-	7.176.893.584
Giảm khác	-	(169.694.180)	-	-	-	(169.694.180)
Số cuối kỳ	82.753.031.019	152.700.774.548	12.242.171.378	534.545.736	1.162.278.229	249.392.800.910
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	<i>16.861.032.497</i>	<i>30.192.504.335</i>	<i>8.859.208.299</i>	<i>329.967.554</i>	<i>-</i>	<i>56.242.712.685</i>
<i>Đã khấu hao hết không còn sử dụng</i>	<i>303.026.457</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>303.026.457</i>
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	49.547.183.950	102.460.178.403	10.688.156.602	506.220.656	1.107.617.251	164.309.356.862
Khấu hao trong năm	2.622.446.427	5.351.970.285	222.191.627	12.532.319	15.139.917	8.224.280.575
Thanh lý, nhượng bán	-	(169.694.180)	-	-	-	(169.694.180)
Số cuối kỳ	52.169.630.377	107.642.454.508	10.910.348.229	518.752.975	1.122.757.168	172.363.943.257
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	29.933.855.386	46.505.388.424	1.554.014.776	28.325.080	54.660.978	78.076.244.644
Số cuối kỳ	30.608.334.592	45.063.796.723	1.331.823.150	15.792.761	9.110.427	77.028.857.653

Tài sản cố định có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 98.272.714.684 VND và 33.843.418.942 được dùng để đảm bảo cho khoản vay của TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái và Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Hải Phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**12. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Tài sản cố định vô hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	5.845.229.650	1.260.865.278	7.106.094.928
Số cuối cuối kỳ	5.845.229.650	1.260.865.278	7.106.094.928
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.776.484.128	598.910.977	3.375.395.105
Khấu hao trong kỳ	146.130.744	31.521.630	177.652.374
Số cuối kỳ	2.922.614.872	630.432.607	3.553.047.479
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.068.745.522	661.954.301	3.730.699.823
Số đư cuối kỳ	2.922.614.778	630.432.671	3.553.047.449

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	6.835.910.395	379.983.189	7.065.893.584	150.000.000
- Dự án xây dựng trường mầm non	150.000.000	-	-	150.000.000
- Công trình bể nước	-	139.833.066	139.833.066	-
- Nhà kho giấy đế	-	47.349.163	47.349.163	-
- Máy nghiền thủy lực	-	192.800.960	192.800.960	-
- Dây chuyền sản xuất giấy đế	2.040.378.385	-	2.040.378.385	-
- Nhà xưởng sản xuất giấy đế	2.535.534.124	-	2.535.534.124	-
- Sân bãi nguyên liệu	549.275.330	-	549.275.330	-
- Dây chuyền sản xuất giấy đế	1.560.722.556	-	1.560.722.556	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	8.100.000	130.175.000	111.000.000	27.275.000
Cộng	6.844.010.395	510.158.189	7.176.893.584	177.275.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	23.624.251.523	-	23.624.251.523	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green	309.698.812.916	-	344.067.312.916	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hanfinco	15.000.000.000	2.452.024.030	15.000.000.000	2.466.143.461
Công ty Cổ phần Đông dược Tiên Sa	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần An Bình	450.000.000	-	450.000.000	-
Quỹ tín dụng thành phố Yên Bái	350.000.000	-	350.000.000	-
Cộng	351.123.064.439	4.452.024.030	385.491.564.439	4.466.143.461

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động SXKD chính
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Số 24 Cù Chính Lan, Hồng Bàng, Hải Phòng	6,64%	6,64%	Môi giới, tư vấn đầu tư chứng khoán
Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO	Số 135 Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng	15,00%	15,00%	Hoạt động tư vấn quản lý
Công ty Cổ phần Đông dược Tiên Sa	Phường Hải Tân, Hải Dương	20,00%	20,00%	Kinh doanh đông dược
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green (*)	Số 738, Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng	19%	19,00%	Kinh doanh dịch vụ bệnh viện

(*): Theo Nghị quyết số 07/2015/NQ-HAP ngày 10 tháng 6 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn HAPACO: Trong thời gian Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green (nay là Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green) tăng vốn điều lệ, Tập đoàn HAPACO và Công ty TNHH Hapaco Hải Âu (Công ty con 100% vốn của Tập đoàn) sẽ không góp thêm vốn và thực hiện chuyển nhượng phần vốn đã góp nhằm đảm bảo tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn HAPACO và Công ty TNHH Hapaco Hải Âu tại Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green tối đa là 19%.

Theo Biên bản thỏa thuận ngày 04 tháng 11 năm 2016 giữa Tập đoàn HAPACO, Công ty TNHH Hapaco Hải Âu và Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green (nay là Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green, Quyết định số 06/QĐ-HAP-HĐQT của Hội đồng Quản trị Tập đoàn HAPACO, Quyết định số 09/QĐ-Green-HĐTV ngày 06 tháng 11 năm 2016 của Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green. Các bên đã thống nhất Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green hoàn trả phần vốn đã góp của Tập đoàn Hapaco để đầu tư vào Bệnh viện với số tiền 134.320.652.798 đồng. Đồng thời, Tập đoàn HAPACO thực hiện ghi nhận giảm vốn đầu tư tại Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green tương ứng. Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green đã thực hiện thay đổi đăng ký kinh doanh, trở thành Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần ngày 16 tháng 11 năm 2016. Theo đó tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Hapaco tại Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green là 19%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

15. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.282.292.438	1.260.904.415
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	624.235.552	813.389.529
Chi phí thuê đất	3.559.608.853	3.714.530.924
Cộng	<u>5.466.136.843</u>	<u>5.788.824.868</u>

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>129.851.800</i>	<i>352.622.774</i>
Công ty CP đầu tư Hafinco	129.851.800	352.622.774
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>19.089.348.903</i>	<i>22.821.684.936</i>
Công ty cổ phần xây dựng số 15	1.294.044.600	1.551.544.600
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Tri	1.059.053.789	2.626.790.030
Doanh nghiệp tư nhân Hùng Hải	1.920.153.432	694.486.688
Ông Ngô Văn Cường	2.039.300.900	-
Công ty CP xây dựng TM và dịch vụ vận tải Đăng Khoa	2.282.118.005	1.511.279.110
Bà Nguyễn Thị Bích Toàn	200.796.425	2.239.519.875
Bà Phạm Thị Lê	163.756.400	2.025.016.400
Công ty CP TM và XD Quyết Thắng	1.575.481.490	-
Các nhà cung cấp khác	8.554.643.862	12.173.048.233
Cộng	<u>19.219.200.703</u>	<u>23.174.307.710</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Giảm khác (*)	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.597.955.132	93.669.299	7.977.457.478	8.164.933.198	-	2.410.479.412	93.669.299
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.952.827.191	2.578.995	1.229.573.879	1.248.819.531	411.703.998	14.521.877.541	2.578.995
Thuế thu nhập cá nhân	1.667.895.384	-	684.256.206	102.840.894	5.993.205	2.243.317.491	-
Thuế tài nguyên	34.779.738	-	40.439.171	45.512.544	-	29.706.365	-
Tiền thuế đất, thuế nhà đất	964.362.000	5.532.108	521.998.770	507.808.895	-	973.019.767	-
Các loại thuế khác	19.912.850	-	27.906.584	37.058.752	-	10.760.682	-
Cộng	20.237.732.295	101.780.402	10.481.632.088	10.106.973.814	417.697.203	20.189.161.258	96.248.294

(*) Khoản giảm khác là Thuế TNDN và thuế TNCN không phải nộp của Công ty TNHH Hapaco Phương Đông sau khi giải thể doanh nghiệp.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế GTGT 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty Công ty TNHH Hapaco Đông Bắc nộp thuế TNDN cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 10%. Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco và các Công ty con khác nộp thuế TNDN cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%

Các loại thuế khác

Kê khai, nộp thuế theo quy định của nhà nước

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phép phải trả, tiền ăn ca, tiền nghỉ lễ	812.430.628	2.189.082.655
Chi phí lãi vay phải trả	54.455.000	637.409.591
Chi phí thuê VP	141.924.000	-
Cước vận chuyển	347.769.952	267.800.284
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	719.144.869	845.994.351
Cộng	<u>2.075.724.449</u>	<u>3.940.286.881</u>

19. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>17.032.936.337</i>	<i>59.215.228.508</i>
Công ty Cổ Phần bệnh viện quốc tế Green	13.238.656.838	14.796.303.175
Công ty Cổ phần đầu tư Hafinco- tiền chi hộ	2.439.922.000	2.439.922.000
Công ty cổ phần chứng khoán Hải Phòng	650.000.000	750.000.000
Thành viên Hội đồng quản trị- tiền lãi vay	60.937.499	-
Công ty CP đầu tư Hafinco - Phải trả về tiền lãi vay	643.420.000	643.420.000
Thành viên Hội đồng Quản trị- tiền vay không tính lãi- Ông Vũ Dương Hiền	-	1.940.000.000
Thành viên Hội đồng Quản trị- lãi tiền vay- Ông Vũ Dương Hiền	-	77.083.333
Thành viên Hội đồng Quản trị- tiền trả hộ khoản vay Ngân hàng- Ông Vũ Dương Hiền	-	34.368.500.000
Thành viên Hội đồng Quản trị- tiền vay không tính lãi- Ông Vũ Xuân Thủy	-	4.200.000.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>4.384.499.542</i>	<i>5.226.874.311</i>
Kinh phí công đoàn	282.152.621	323.326.703
Bảo hiểm xã hội	626.399.539	118.541.990
Bảo hiểm y tế	144.792.541	-
Bảo hiểm thất nghiệp	64.410.620	-
Phải trả về cổ phần hóa	149.520.000	591.246.901
Tài sản thừa chờ giải quyết	164.340.050	164.340.050
Chi phí hoạt động của HDQT, BKS	1.590.251.800	2.107.251.800
Cổ tức phải trả cổ đông	14.232.000	12.342.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.348.400.371	1.909.824.867
Cộng	<u>21.417.435.879</u>	<u>64.442.102.819</u>

H/0/ X THE N T/ H/

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan				
Vay thành viên Hội Đồng Quản trị	2.700.000.000	2.700.000.000	4.200.000.000	4.200.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hafinco (1)	700.000.000	700.000.000	700.000.000	700.000.000
				-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác				
Vay ngắn hạn ngân hàng	45.790.605.874	45.790.605.874	97.656.869.646	97.656.869.646
Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Hải Phòng- Khoản vay Công ty mẹ	-	-	25.473.471.042	25.473.471.042
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái(2)	5.060.393.963	5.060.393.963	4.261.540.000	4.261.540.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Hải Phòng(3)	10.645.924.611	10.645.924.611		
Ngân hàng TMCP Quân đội- CN Hải Phòng- Khoản vay của Công ty TNHH Hải Âu (4)	18.834.287.300	18.834.287.300	27.586.565.720	27.586.565.720
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng- Công ty Cổ phần Giấy Hapaco H.P.P (5)	8.250.000.000	8.250.000.000	13.125.000.000	13.125.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	5.410.000.000	410.000.000	-	-
Bà Trần Hải Viện (6)	410.000.000	410.000.000		
Bà Hoàng Oanh (7)	5.000.000.000	5.000.000.000		
Vay dài hạn đến hạn trả	3.000.000.000	3.000.000.000	27.210.292.884	27.210.292.884
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam-Chi nhánh Hải Phòng	-	-	21.210.292.884	21.210.292.884
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT - Chi nhánh Hải Phòng	3.000.000.000	3.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	53.900.605.874	53.900.605.874	101.856.869.646	101.856.869.646

(1) Khoản vay Công ty Cổ phần Đầu tư Hafinco (trước đây là Công ty TNHH Đầu tư Tài chính HAPACO) theo Hợp đồng vay vốn số 15/07/HĐV ngày 15/07/2009, thời hạn thanh toán gốc vay là ngày 15/08/2009. Tuy nhiên đến thời điểm ngày 30/06/2017 Công ty chưa thanh toán hết khoản vay này cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hafinco. Số dư nợ gốc vay đến thời điểm 30/06/2017 là 700.000.000 đồng. Phương thức đảm bảo khoản vay là tín chấp.

(2) Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/783193/HĐTD ngày 26 tháng 12 năm 2016 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2017/783193/SĐBS giữa Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, lãi suất vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản thế chấp là xe Toyota Innova biển kiểm soát 21H-5738, xe Toyota Camry

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3.5Q Kiểm soát 21A01065. Số dư nợ gốc tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2017 là 1.991.684.963 VND và 135.000 USD.

(3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số LD1717000177 ngày 20 tháng 6 năm 2017. Mục đích cấp tín dụng cụ thể của từng lần cấp tín dụng do Ngân hàng và bên được cấp tín dụng thỏa thuận. Hạn mức tín dụng theo hợp đồng là 30.000.000.000 VND. Lãi suất khoản vay được quy định trên từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

(4) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng cấp tín dụng số 93.17.251.1084223.TD ngày 06 tháng 02 năm 2017. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Giá trị hạn mức tín dụng là 90.000.000.000 VND (hạn mức tín dụng này đã bao gồm toàn bộ dư hạn mức tín dụng theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 56.16.251.1084223.TD ký ngày 02/02/2016), lãi suất khoản vay được quy định trên từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bởi các hợp đồng tiền gửi và thẻ tiết kiệm sau:

- Hợp đồng tiền gửi số 04.13.251.1084223.TG
- Hợp đồng tiền gửi số 12.13.251.1084223.TG
- Hợp đồng tiền gửi số 22.13.251.1084223.TG
- Thẻ tiết kiệm số LC1748689
- Thẻ tiết kiệm số LA473267
- Thẻ tiết kiệm số LA473268

(5) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng do Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco ủy quyền cho ông Vũ Dương Hiền đứng tên người vay hộ Công ty Cổ phần Hapaco H.P.P theo Ủy quyền số 02/NQHĐQT ngày 01/08/2013 nhằm bổ sung vốn lưu động, thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay là lãi suất thả nổi có điều chỉnh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba là Ông Vũ Dương Hiền.

(6) Khoản vay cá nhân bà Trần Hải Viện theo hợp đồng vay ngày 27 tháng 6 năm 2017, thời hạn vay đến ngày 15 tháng 7 năm 2017 với lãi suất 0%.

(7) Khoản vay bà Hoàng Oanh theo Hợp đồng vay vốn số 14.03.2017/HĐVV, số tiền vay từ 5.000.000.000 VND. Lãi suất cho vay là 3%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	70.446.576.762	194.266.639.378	(221.922.610.266)	42.790.605.874
Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Hải Phòng - Khoản vay Công ty mẹ	25.473.471.042	147.943.107.324	(173.416.578.366)	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái	4.261.540.000	13.039.166.463	(12.240.312.500)	5.060.393.963
Ngân hàng TMCP Quân đội- CN Hải Phòng - Khoản vay của Công ty TNHH Hải Âu (*)	27.586.565.720	18.763.440.980	(27.515.719.400)	18.834.287.300
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Hải Phòng		10.645.924.611		10.645.924.611
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	13.125.000.000	3.875.000.000	(8.750.000.000)	8.250.000.000
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	700.000.000	-	-	700.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hafinco	700.000.000			700.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	3.500.000.000	6.410.000.000	(2.500.000.000)	7.410.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	27.210.292.884	-	(24.210.292.884)	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam- Chi nhánh Hải Phòng	21.210.292.884		(21.210.292.884)	-
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT - Chi nhánh Hải Phòng	6.000.000.000		(3.000.000.000)	3.000.000.000
Cộng	101.856.869.646	200.676.639.378	(248.632.903.150)	53.900.605.874

(*) Số phát sinh Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội- CN Hải Phòng trong kỳ của Công ty TNHH Hải Âu đã bao gồm khoản chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ 16.039.380 VND.

21. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	604.732.186	(3.000.000)	601.732.186
Cộng	604.732.186	(3.000.000)	601.732.186

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**22. Vay và nợ dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam- Chi nhánh Hải Phòng	-	-	113.110.359.914	113.110.359.914
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT - Chi nhánh Hải Phòng (1)	9.850.081.319	9.850.081.319	9.850.081.319	9.850.081.319
Cộng	9.850.081.319	9.850.081.319	122.960.441.233	122.960.441.233

(1) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng vay số 2100 - LAV 201200596/HĐTD ngày 31/10/2012 và các Phụ lục Hợp đồng nhằm bổ sung vốn lưu động. Hạn mức tín dụng 30.000.000.000 đồng, Khoản vay được gia hạn ngày trả nợ cuối cùng đến 25/09/2019; lãi suất vay là lãi suất thả nổi có điều chỉnh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là toàn bộ công trình nhà máy, dây chuyền máy móc đồng bộ, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất giấy Kraft thuộc Công ty Cổ phần Hapaco H.P.P.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam- Chi nhánh Hải Phòng	113.110.359.914	(113.110.359.914)	-
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT - Chi nhánh Hải Phòng	9.850.081.319	-	9.850.081.319
Cộng	122.960.441.233	(113.110.359.914)	9.850.081.319

020
CÔ
CH NI
KIẾ
HÂN
S E

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích Cổ đông không kiểm soát		Cộng
Số đầu năm trước	515.202.360.000	29.956.940.219	(4.662.935.543)	66.770.060.228	73.398.832.071	4.803.457.124	685.468.714.099	
Tăng vốn trong năm trước	41.063.850.000	(30.000.000)	-	-	(41.063.850.000)	-	(30.000.000)	
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	13.087.547.927	226.346.403	13.313.894.330	
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	(25.682.383.000)	-	(25.682.383.000)	
Trích thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(2.678.157.163)	-	(2.678.157.163)	
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(1.759.747.984)	-	(1.759.747.984)	
Giảm khác	-	-	-	-	(160.000.000)	-	(160.000.000)	
Số dư cuối năm trước	556.266.210.000	29.926.940.219	(4.662.935.543)	66.770.060.228	15.142.241.851	5.029.803.527	668.472.320.282	
Số dư đầu năm nay	556.266.210.000	29.926.940.219	(4.662.935.543)	66.770.060.228	15.142.241.851	5.029.803.527	668.472.320.282	
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	6.697.492.590	(661.991)	6.696.830.599	
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi tại Công ty TNHH Hapaco phương Đông	-	-	-	-	(475.548.000)	-	(475.548.000)	
Thuế TNDN và thuế TNCN không phải nộp tại Công ty TNHH Hapaco Phương Đông	-	-	-	-	417.697.203	-	417.697.203	
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(115.000.000)	-	(115.000.000)	
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	(11.094.230.200)	-	(11.094.230.200)	
Số dư cuối kỳ này	556.266.210.000	29.926.940.219	(4.662.935.543)	66.770.060.228	10.572.653.444	5.029.141.536	663.902.069.884	

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 05/2017/NQ-ĐHCD-HAP ngày 29 tháng 4 năm 2017, Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt 2% từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế có đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	55.626.621	51.520.236
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	55.626.621	51.520.236
- Cổ phiếu phổ thông	55.626.621	51.520.236
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	155.470	155.470
- Cổ phiếu phổ thông	155.470	155.470
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	55.471.151	51.364.766
- Cổ phiếu ưu đãi	55.471.151	51.364.766

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Chi tiết số dư ngoại tệ**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi tiết số dư ngoại tệ		
USD	88.402,02	86.270,73

2. Chi tiết nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối kỳ</u>
Công ty Cổ phần chế biến nông lâm sản Hà Giang	1.028.804.852
Công ty FEC	120.054.460
Công ty Dưa Chen	70.064.079
Đoàn Kinh tế QP 327	55.000.000
Ông Võ Minh Quang	1.253.500
Công ty Cổ phần tư vấn và Chuyển giao Công nghệ MT	10.000.000
Công ty Kiến trúc Việt Nam	27.000.000
Phần mềm nhân sự	5.000.000
Trung tâm phát triển Công nghệ cao Nông lâm HP	9.000.000
Công ty tư vấn thiết kế Công trình XD HP	52.000.000
Ông Ngô xuân Dùy	55.000.000
Ông Ngô minh điền	60.000.000
Ông Trương liên cơ	118.332.304
Ông Đào Ngọc Tuấn	64.523.000
Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh	47.798.500
Công ty Cổ phần văn hóa Tân Bình	10.988.589
Các đối tượng khác	25.376.066
Cộng	1.760.195.350

82-
TY
HỮU
OẠI
VI
1.5

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	190.575.432.129	217.418.417.132
+ Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	190.097.785.311	216.992.808.951
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	477.646.818	425.608.181
Các khoản giảm trừ doanh thu	(48.560.052)	(62.644.400)
+ Chiết khấu thương mại	(34.833.042)	(62.644.400)
+ Hàng bán bị trả lại	(13.727.010)	-
Cộng	190.526.872.077	217.355.772.732

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán	164.970.078.835	178.068.443.503
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	419.837.627	222.025.818
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(11.306.877)	491.167.858
Cộng	165.378.609.585	178.781.637.179

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	1.251.894.470	3.042.383.787
Lãi tiền cho vay	1.614.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	98.476.492	385.672.170
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	30.488.542	123.380.099
Cổ tức, lợi nhuận được chia	968.868.500	-
Cộng	2.351.342.004	3.551.436.056

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.221.806.520	14.493.752.972
Lỗ thanh lý chứng khoán kinh doanh	-	85.421.082
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	261.304.702	466.561.656
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	10.955.458
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(14.116.231)	2.417.346.656
Chi phí tài chính khác	5.135.354	7.700.000
Cộng	2.474.130.345	17.481.737.824

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm nay
Chi phí cho nhân viên	117.827.040	80.000.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.214.000	33.476.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.027.988.113	8.158.904.949
Chi phí bằng tiền khác	1.403.524.067	1.474.448.311
Cộng	7.599.553.220	9.746.829.260

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm nay
Chi phí cho nhân viên	6.842.581.911	7.600.106.321
Chi phí vật liệu quản lý	67.162.953	145.887.481
Chi phí đồ dùng văn phòng	41.020.013	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	369.340.042	651.849.592
Thuế, phí và lệ phí	204.498.028	361.745.338
Trích lập/Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	585.872.214	95.309.327
Phân bổ lợi thế thương mại	-	917.046.720
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.399.628.762	1.909.110.276
Chi phí bằng tiền khác	2.687.999.740	1.519.118.734
Cộng	12.198.103.663	13.200.173.789

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Xử lý công nợ không phải trả	3.307.240.900	15.662.539.478
Thu nhập khác	2.266.000	-
Cộng	3.309.506.900	15.662.539.478

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Xử lý công nợ không thu hồi được	36.364.655	-
Thuế bị phạt, bị truy thu, phạt vi phạm hành chính	26.004.108	978.146.872
Chi phí khấu hao dây chuyền sản xuất giấy mỏng	205.161.033	-
Thuế GTGT không được khấu trừ	341.015.144	332.680.676
Chi phí khác	2.374.750	128.110.000
Cộng	610.919.690	1.438.937.548



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.926.404.478
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1.960.043.539
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.965.907.347
<i>Xử lý các khoản công nợ</i>	36.364.655
<i>Chi phí khác</i>	3.045.000
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	568.428.186
<i>Các khoản phạt hành chính, phạt bảo hiểm</i>	25.332.210
<i>Chi phí khấu hao dây truyền sản xuất giấy mỏng</i>	205.161.033
<i>Lỗi tại Công ty Con được quyết toán riêng</i>	271.592.136
<i>Dự phòng đầu tư Công ty con</i>	1.855.984.127
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.005.863.808)
<i>Cổ tức lợi nhuận được chia</i>	(968.868.500)
<i>Điều chỉnh khấu hao do mua bán TS nội bộ</i>	(36.994.208)
<i>Các khoản điều chỉnh giảm khác</i>	(1.100)
Thu nhập chịu thuế	9.886.448.017
Lỗi các năm trước được chuyển	(2.334.675.851)
Thu nhập tính thuế	7.551.772.166
<i>Trong đó</i>	
<i>Thu nhập tính thuế chịu thuế suất 20% là</i>	5.783.576.665
<i>Thu nhập tính thuế chịu thuế suất 10% là</i>	1.768.195.501
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông	20%
Thuế suất khác thuế suất phổ thông	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.052.754.329
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	176.819.550
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.229.573.879

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.697.492.590	12.969.250.645
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.697.492.590	12.969.250.645
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	55.471.151	51.364.766
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	121	252

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng phúc lợi trên lợi nhuận cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày ngày 30 tháng 6 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Giao dịch không bằng tiền

Trong năm công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Bù trừ khoản phải thu với tiền vay phải trả của thành viên Hội đồng quản trị	1.940.000.000

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập thành viên Ban lãnh đạo	1.095.568.000	2.115.925.000
Cộng	1.095.568.000	2.115.925.000

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Bù trừ khoản phải thu với tiền vay phải trả	1.940.000.000	
Phải trả lãi vay thành viên Hội đồng quản trị		78.750.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan được trình bày tại thuyết minh V.6; V.20.

Giao dịch với bên liên quan khác:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Tập đoàn Hapaco là cổ đông của Công ty
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Quốc Tế Green	Tập đoàn Hapaco là cổ đông của Công ty
Công ty Cổ phần Đầu tư Hafinco	Tập đoàn Hapaco là cổ đông của Công ty
Công ty Cổ phần Đông dược Tiên Sa	Tập đoàn Hapaco là cổ đông của Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh chính trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Quốc Tế Green		
Thu hồi tiền góp vốn thừa	134.300.000.000	-
Phải thu tiền bảo hiểm	2.850.000	-
Bù trừ công nợ phải thu và phải trả	23.502.798	-
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Quốc Tế Green chuyển tiền	4.913.160.497	-
Tập đoàn Hapaco chuyển trả tiền	2.046.418.528	-
Lãi vay chi hộ Công ty Cổ phần Bệnh Viện Quốc Tế Green	2.598.035.508	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.3; V.6; V.14; V.16; V.19; V20.

2. Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Doanh nghiệp.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty/Doanh nghiệp được phân bố chủ yếu ở khu vực Hải Phòng, khu vực Yên Bái, khu vực Hòa Bình, khu vực Hà Giang.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí khách hàng của Doanh nghiệp như sau:

32/1
TY
HƯ
OÁ
AV
T.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Hải Phòng	Yên Bái	Hòa Bình	Hà Giang	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ này						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	145.506.934.909	45.019.937.168	-	-	-	190.526.872.077
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	5.728.564.736	13.566.285.142	31.548.510.000	11.862.201.100	(62.705.560.978)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	151.235.499.645	58.586.222.310	31.548.510.000	11.862.201.100	(62.705.560.978)	190.526.872.077
Chi phí bộ phận	140.324.282.744	50.180.202.776	27.020.678.578	10.482.952.673	(62.629.507.186)	165.378.609.585
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	10.911.216.901	8.406.019.534	4.527.831.422	1.379.248.427	(76.053.792)	25.148.262.492
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(19.797.656.883)	5.350.605.609
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						2.351.342.004
Doanh thu hoạt động tài chính						(2.474.130.345)
Chi phí tài chính						3.309.506.900
Thu nhập khác						(610.919.690)
Chi phí khác						(1.229.573.879)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						6.696.830.599
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	154.814.000	1.152.328.936	-	169.994.667	-	1.477.137.603
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	5.827.897.193	2.486.713.713	513.062.470	702.925.702	(36.994.208)	8.224.280.575

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

	Hải Phòng	Yên Bái	Hòa Bình	Hà Giang	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	971.667.003.724	46.276.286.526	24.702.339.853	18.829.634.318	(264.593.365.107)	796.881.899.314
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	971.667.003.724	46.276.286.526	24.702.339.853	18.829.634.318	(264.593.365.107)	796.881.899.314
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	185.300.910.819	14.933.135.105	9.442.387.796	5.746.136.960	(82.442.741.250)	132.979.829.430
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	185.300.910.819	14.933.135.105	9.442.387.796	5.746.136.960	(82.442.741.250)	132.979.829.430

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh sản phẩm giấy các loại
- Lĩnh vực dịch vụ

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh sản phẩm giấy các loại	190.049.225.259	216.930.164.551
Lĩnh vực dịch vụ	477.646.818	425.608.181
Cộng	190.526.872.077	217.355.772.732



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	53.900.605.874	9.850.081.319	-	63.750.687.193
Phải trả người bán	19.219.200.703	-	-	19.219.200.703
Các khoản phải trả khác	28.227.495.232	20.900.000	-	28.248.395.232
Cộng	101.347.301.809	9.870.981.319	-	111.218.283.128
Số đầu năm				
Vay và nợ	101.856.869.646	122.960.441.233	-	224.817.310.879
Phải trả người bán	23.174.307.710	-	-	23.174.307.710
Các khoản phải trả khác	74.088.524.075	20.900.000	-	74.109.424.075
Cộng	199.119.701.431	122.981.341.233	-	322.101.042.664

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

20
CÔ
H NI
IẾI
ÂN
/B

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.610.449.945	6.289.660.597	7.610.449.945	6.289.660.597
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	363.449.122.009	427.758.070.329	363.449.122.009	427.758.070.329
Phải thu khách hàng	61.431.181.137	63.380.446.542	61.431.181.137	63.380.446.542
Các khoản cho vay	30.000.000	48.000.000	30.000.000	48.000.000
Các khoản phải thu khác	177.990.709.536	314.305.351.935	177.990.709.536	314.305.351.935
Cộng	610.511.462.627	811.781.529.403	610.511.462.627	811.781.529.403
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	63.750.687.193	224.817.310.879	63.750.687.193	224.817.310.879
Phải trả người bán	19.219.200.703	23.174.307.710	19.219.200.703	23.174.307.710
Các khoản phải trả khác	28.248.395.232	74.109.424.075	28.248.395.232	74.109.424.075
Cộng	111.218.283.128	322.101.042.664	111.218.283.128	322.101.042.664

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC và số liệu so sánh cùng kỳ năm trước được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Lập, ngày 10 tháng 8 năm 2017

Kế toán trưởng



Cao Thị Thúy Lan



Vũ Xuân Cường

